|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  Số: 669/TTr-CP | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**    *Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2025* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự án Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi)**

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15), Nghị quyết số 77/2025/UBTVQH15 ngày 21/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2025, Chính phủ kính trình Quốc hội dự án Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi) như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH DỰ ÁN LUẬT GDNN (SỬA ĐỔI)**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

a) Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014 được ban hành đã thể chế hóa quan điểm chỉ đạo, định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo tại Nghị quyết số 29-NQ/TW, nền tảng pháp lý quan trọng giúp giáo dục nghề nghiệp (GDNN) phát triển mạnh về số lượng và từng bước nâng cao chất lượng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động trong suốt 10 năm qua. Qua công tác tổng kết đánh giá, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) nhận thấy một số nội dung của Luật GDNN vẫn giữ nguyên giá trị trong bối cảnh hiện nay như các chính sách của Nhà nước đối với người học, đặc biệt đối với người học thuộc nhóm đối tượng yếu thế; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo…Điều này khẳng định tính ổn định của hệ thống pháp luật về giáo dục đào tạo nói chung, GDNN nói riêng, phù hợp với yêu cầu đặc thù của giáo dục là phải mang tính tiếp nối, bền vững và giữ gìn được tính dân tộc trong bản sắc Việt Nam.

Kế thừa quan điểm, định hướng phát triển GDĐT trong Nghị quyết số 29-NQ/TW, từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII tới nay, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản thể hiện chủ trương, chính sách phát triển GDNN, đặt ra yêu cầu cần phải tiếp tục nghiên cứu, thể chế hóa bằng pháp luật nhằm tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng GDNN, tạo đột phá về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, có kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Theo đó, bên cạnh những nội dung kế thừa, Luật GDNN cần một sự thay đổi cơ bản, toàn diện từ bên trong, những nội dung đã đổi mới cần đổi mới nhanh hơn nữa để hướng tới chất lượng cao hơn, hướng tới nền giáo dục phát triển con người toàn diện, tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, phù hợp trong bối cảnh hiện nay. Cụ thể:

- Tiếp tục đổi mới cơ cấu hệ thống GDNN, hình thành mạng lưới cơ sở GDNN tinh gọn, hiệu quả; mở rộng hệ thống cơ sở tham gia hoạt động GDNN nhằm đạt được mục tiêu đặt ra tại Chỉ thị 21-CT/TW, Kết luận 91-KL/TW, trong đó chú trọng nâng cao chất lượng của trường cao đẳng và có giải pháp phù hợp, tạo thuận lợi cho công tác quản lý, phát triển trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm GDNN - GDTX trong thời gian tới.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình, phương thức đào tạo GDNN theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, hiện đại, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động và tạo cơ hội học tập suốt đời theo Nghị quyết 42-NQ/TW; Chỉ thị 29-CT/TW.

- Tạo điều kiện cho người học, nhất là học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở có nhiều lựa chọn chương trình giáo dục theo đúng chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với đại diện Đảng ủy Chính phủ và các ban, bộ, ngành Trung ương về tình hình thực hiện các nghị quyết của Trung ương về GDĐT; xây dựng Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá giáo dục, đào tạo và một số chủ trương hỗ trợ dạy và học theo Thông báo số 177-TB/VPTW.

- Đổi mới cơ chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản; chuyển nhanh cơ chế cấp phát ngân sách sang đặt hàng, giao nhiệm vụ; đẩy mạnh xã hội hoá, hợp tác công - tư nhằm huy động và sử dụng hiệu quả nhiều nguồn lực cho phát triển GDNN, nhất là đối với các ngành, lĩnh vực, địa bàn mà khu vực ngoài công lập có thể tham gia. Bảo đảm chính sách bình đẳng đối với các cơ sở GDNN công lập và ngoài công lập theo Chỉ thị 21-CT/TW.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về GDĐT; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền. Tăng quyền tự chủ, nâng cao trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ trong các cơ sở GDĐT; hoàn thiện chính sách, cơ chế tự chủ đối với các cơ sở GDNN phù hợp với xu thế chung của thế giới.

b) Bên cạnh những chủ trương, định hướng cụ thể về phát triển GDNN, thời gian qua, Bộ Chính trị đã ban hành bốn Nghị quyết quan trọng, được xác định là Bộ tứ trụ cột đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới. Điều này đòi hỏi tất cả các lĩnh vực, trong đó có GDNN cần cải cách toàn diện, sâu sắc và đồng bộ. Cụ thể:

- Để thực hiện nhiệm vụ đã đề ra tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, GDNN cần thực hiện những thay đổi toàn diện và sâu rộng: Đổi mới chương trình đào tạo theo hướng số hóa và thực tiễn; phát triển đội ngũ giảng viên chất lượng cao; đầu tư hạ tầng và công nghệ; trao quyền tự chủ cho các cơ sở GDNN trong việc xây dựng chương trình đào tạo, tuyển sinh, hợp tác quốc tế, nhằm tăng tính linh hoạt và sáng tạo…

- Nghị quyết 59-NQ/TW đề ra định hướng về khoa học công nghệ, giáo dục, y tế, môi trường theo hướng tận dụng hội nhập để nâng cao trình độ quốc gia, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và hội nhập sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Điều này đã đặt ra những cơ hội: Cho phép và khuyến khích các cơ sở GDNN hợp tác với các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp nước ngoài trong việc xây dựng chương trình đào tạo, trao đổi giảng viên và học viên; có cơ chế công nhận lẫn nhau về văn bằng, chứng chỉ giữa Việt Nam và các quốc gia khác, đặc biệt là trong khu vực ASEAN, để tạo điều kiện cho người học và người lao động Việt Nam tham gia thị trường lao động quốc tế. Bên cạnh đó, cần đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến việc thành lập và tổ chức thực hiện các chương trình liên kết với nước ngoài.

- Để thực hiện yêu cầu đổi mới tư duy lập pháp trong lĩnh vực GDNN (chuyển từ tư duy quản lý sang tư duy kiến tạo) tại Nghị quyết số 66-NQ/TW, Luật GDNN cần sửa đổi theo hướng Luật đóng vai trò là khung pháp lý, tạo động lực thúc đẩy phát triển, tạo điều kiện cho đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế, thay vì chỉ tập trung vào quản lý hành chính. Cần đẩy mạnh phân cấp, phân quyền tối đa gắn với trách nhiệm tự chủ giải trình của cơ sở GDNN; cắt giảm tối đa các điều kiện đầu tư kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính trong Luật.

- Nhiệm vụ và giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho kinh tế tư nhân tại Nghị quyết số 68-NQ/TW yêu cầu GDNN cần thực hiện những thay đổi toàn diện nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của khu vực kinh tế tư nhân đang phát triển mạnh mẽ: Tăng cường hợp tác giữa cơ sở GDNN và doanh nghiệp; thu hút sự tham gia mạnh mẽ của doanh nghiệp trong quá trình đào tạo, đánh giá, công nhận tốt nghiệp; có các các chính sách thu hút hiệu quả sự tham gia của doanh nghiệp vào GDNN; tăng cường hợp tác quốc tế và đầu tư trong GDNN.

Để đạt được các mục tiêu trên, Bộ GDĐT xác định nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm là phải rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về GDNN, tạo sự đồng bộ, liên thông, nâng cao chất lượng công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở đáp ứng yêu cầu đề ra, bảo đảm gắn với thị trường lao động theo hướng mở, liên thông, hiện đại, hội nhập và thích ứng. Trong đó, quan trọng bậc nhất là sửa đổi căn bản, toàn diện Luật GDNN năm 2014, tạo hành lang pháp lý vững chắc để huy động mọi nguồn lực, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khẩn trương và kịp thời thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Trong xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng, hệ thống GDNN cần được hoàn thiện để đảm bảo tương thích với các chuẩn mực quốc tế cũng như yêu cầu phát triển nguồn nhân lực. Tuy nhiên, kết quả rà soát thực tế và tiếp thu kinh nghiệm quốc tế cho thấy Luật GDNN năm 2014 có một số nội dung chưa đồng bộ với Luật Giáo dục và pháp luật có liên quan; có khoảng trống pháp lý; có những quy định chưa phù hợp với đào tạo ở một số lĩnh vực đặc thù; một số quy định quá chi tiết gây khó khăn trong tổ chức thực hiện; chưa phù hợp với thực tiễn. Bên cạnh đó, thực tiễn triển khai thi hành Luật GDNN còn bộc lộ một số hạn chế như đã được chỉ ra tại Báo cáo số 3151/BC-UBVHGD15 ngày 31/12/2024 của Ủy ban Văn hóa, Giáo dục Quốc hội giám sát việc triển khai thi hành Luật GDNN, cụ thể: Thực tiễn triển khai thi hành Luật GDNN còn bộc lộ một số hạn chế. Kỷ luật trong thi hành pháp luật về GDNN chưa được tuân thủ nghiêm. Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống GDNN còn bất cập; thiếu cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các bên liên quan. Quy mô phát triển và phân bổ mạng lưới cơ sở GDNN ở một số vùng, địa phương chưa hợp lý. Quy mô đào tạo GDNN còn nhỏ. Cơ cấu trình độ đào tạo chưa thực sự đáp ứng nhu cầu nhân lực của từng ngành, từng địa phương, từng giai đoạn phát triển. Năng lực, điều kiện của nhiều cơ sở GDNN chưa đáp ứng yêu cầu về bảo đảm chất lượng đào tạo theo nhu cầu của xã hội. Hoạt động kiểm định chất lượng, thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực GDNN chưa được tiến hành một cách toàn diện, thường xuyên. Nguồn lực đầu tư cho GDNN còn hạn chế, hiệu quả sử dụng chưa cao; công tác xã hội hóa GDNN còn nhiều khó khăn. Hoạt động hướng nghiệp, phân luồng chưa đạt được mục tiêu. Chất lượng, hiệu quả GDNN chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

Xuất phát từ cơ sở chính trị, pháp lý, cơ sở thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Luật GDNN (sửa đổi) để khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật GDNN hiện hành.

**II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT GDNN (SỬA ĐỔI)**

**1. Mục đích ban hành Luật**

1.1. Quy phạm hóa chính sách của Luật GDNN (sửa đổi) đã được Chính phủ thông qua nhằm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về GDNN; tạo ra sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật để tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả của GDNN đáp ứng nhu cầu của người học, thị trường lao động; yêu cầu về trình độ, kỹ năng nghề nghiệp trong khu vực ASEAN và hội nhập quốc tế; đủ khả năng đáp ứng yêu cầu nhân lực cho phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

1.2. Khắc phục những tồn tại, hạn chế của pháp luật và quá trình thi hành pháp luật hiện hành về GDNN; kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn, giải quyết được “nút thắt” trong thực tiễn nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng GDNN.

1.3. Bảo đảm bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức, cơ sở giáo dục trong tiếp cận và thực hiện các thủ tục hành chính lĩnh vực GDNN;

1.4. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nâng cao hiệu quả quản trị hệ thống giáo dục.

**2. Quan điểm xây dựng dự án Luật**

a) Thể chế hóa chủ trương của Đảng, bảo đảm đồng bộ pháp lý, nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và nhu cầu học tập của Nhân dân;

b) Bảo đảm toàn diện nhưng có trọng tâm, tập trung sửa đổi các nội dung không còn phù hợp, gây điểm nghẽn, bảo đảm khả thi và hiệu quả thực tiễn; giải quyết các “nút thắt” để thúc đẩy đổi mới giáo dục và huy động nguồn lực;

c) Khắc phục bất cập trong thực thi Luật GDNN, kế thừa và phát triển quy định hiện hành; giữ vai trò là luật khung, định hướng cho các luật chuyên ngành.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT GDNN (SỬA ĐỔI)**

Chính phủ đã tổ chức, giao Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) xây dựng dự án Luật theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025, cụ thể:

**1. Xây dựng chính sách**

1.1. Nghiên cứu, rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng về đổi mới và phát triển GDNN.

1.2. Tổng kết, đánh giá thi hành pháp luật GDNN để kịp thời xác định được những điểm cần tháo gỡ trong Luật và trong việc thực thi luật pháp, giúp cho việc đề xuất xây dựng chính sách phù hợp.

1.3. Tổ chức các hoạt động phục vụ xây dựng chính sách như: Tổ chức hội nghị, hội thảo và lấy ý kiến chuyên gia; nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế để lựa chọn, đối chiếu và đề xuất vận dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam từ kinh nghiệm của một số quốc gia có nền giáo dục phát triển; xây dựng báo cáo đánh giá tác động chính sách.

1.4. Hoàn thiện hồ sơ xây dựng chính sách theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL và tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Tổ chức chính trị - xã hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025.

1.5. Tổ chức 02 Hội nghị tham vấn Thường trực Hội đồng Dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội, Bộ, cơ quan ngang Bộ đối với chính sách liên quan trực tiếp thuộc phạm vi, lĩnh vực phụ trách trong quá trình xây dựng chính sách theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025.

1.6. Tổ chức nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ chính sách gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

1.7. Tổ chức nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

1.8. Tổ chức nghiên cứu, xây dựng báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ thông qua chính sách.

**2. Soạn thảo Luật**

2.1. Tổ chức nghiên cứu, tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ về những vấn đề mới trong GDNN và thể chế hóa vào dự thảo Luật để phù hợp với thực tiễn.

2.2. Tổ chức các hoạt động phục vụ soạn thảo dự án Luật như: tham khảo kinh nghiệm một số nước trên thế giới; tổ chức các hội thảo khoa học, tọa đàm với sự tham gia của đại diện các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Sở GDĐT, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các chuyên gia, nhà khoa học; xin ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

2.3. Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để xây dựng, hoàn thiện dự thảo Luật: Đăng tải hồ sơ dự thảo Luật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo; gửi văn bản lấy ý kiến của Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội, các bộ, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức liên quan, lấy ý kiến phản biện xã hội và thực hiện tiếp thu, giải trình theo quy định.

2.4. Gửi hồ sơ dự án Luật đến Bộ Tư pháp thẩm định (Báo cáo số 316/BCTĐ-BTP ngày 18/7/2025 của Bộ Tư pháp) và tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định (Báo cáo số 1026/BC-BGDĐT ngày 21/7/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật.

2.5. Gửi lấy ý kiến Thành viên Chính phủ và tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ, hoàn thiện dự thảo Luật (Báo cáo số 1068/BC-BGDĐT ngày 29/7/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

2.6. Chính phủ ban hành Nghị quyết số 223/NQ-CP ngày 31/7/2025 về Phiên họp Chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 7 năm 2025, trong đó yêu cầu Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thành viên Chính phủ và phân công Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long chỉ đạo việc hoàn thiện dự án Luật GDNN (sửa đổi) theo quy định.

Bộ GDĐT đã tổ chức nghiên cứu thực hiện Nghị quyết nêu trên và đã có Báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc thực hiện Nghị quyết.

Ngày 01/8/2025, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến giao Bộ trưởng Bộ GDĐT thay mặt Chính phủ thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình Quốc hội về dự án Luật (Công văn số 7191/VPCP-KGVX ngày 01/8/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc ủy quyền ký Tờ trình của Chính phủ).

**V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT GDNN (SỬA ĐỔI)**

**1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Luật GDNN (sửa đổi) quy định về hệ thống GDNN, tổ chức và hoạt động của cơ sở GDNN, chính sách và quản lý nhà nước về GDNN tại Việt Nam.

1.2. Đối tượng áp dụng

Luật GDNN (sửa đổi) áp dụng đối với cơ sở GDNN, cơ sở tham gia hoạt động GDNN và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động GDNN.

**2. Bố cục của dự thảo văn bản**

Bố cục của dự thảo Luật gồm 09 Chương, 45 Điều. Cụ thể:

Chương I. Quy định chung, gồm 08 điều.

Chương II. Tổ chức và quản trị cơ sở GDNN, gồm 07 điều.

Chương III. Hoạt động đào tạo, gồm 05 điều.

Chương IV. Giảng viên, giáo viên, người dạy nghề và người học, gồm 06 điều.

Chương V. Bảo đảm và kiểm định chất lượng, gồm 04 điều.

Chương VI. Hợp tác với doanh nghiệp trong GDNN, gồm 04 điều.

Chương VII. Tài chính, tài sản, gồm 06 điều.

Chương VIII. Hợp tác và đầu tư trong GDNN, gồm 02 điều.

Chương IX. Điều khoản thi hành, gồm 03 điều.

**3. Nội dung cơ bản**

**3.1. Những nội dung chính**

a) Quy định rõ trình độ đào tạo của GDNN trong đó bổ sung trung học nghề.

b) Quy định cơ sở hoạt động GDNN theo hướng kế thừa sự ổn định của hệ thống, đồng thời, mở rộng hệ thống các cơ sở đủ điều kiện tham gia hoạt động GDNN theo quy định của Chính phủ.

c) Quy định về tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở GDNN: Cơ sở GDNN được tự chủ toàn diện trong hoạt động chuyên môn và quản trị nội bộ.

d) Quy định về hội đồng trường thống nhất với dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) theo hướng hội đồng trường chỉ áp dụng đối với cơ sở GDNN tư thục.

đ) Quy định các chính sách tài chính cho GDNN

- Chính sách của nhà nước về thuế và đất đai: Dự thảo quy định các chính sách ưu đãi tối đa và cụ thể để thúc đẩy phát triển GDNN, đảm bảo hiệu quả, minh bạch, đồng bộ với quy định của Luật Thuế TNDN, Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật đất đai.

- Chính sách về học bổng, học phí cho người học: Quy định chung về chính sách học bổng, học phí cho người học nhấn mạnh về đối tượng và phạm vi được hỗ trợ, không chỉ tập trung vào các đối tượng yếu thế, đặc thù mà còn ưu tiên theo định hướng phát triển ngành nghề chiến lược, bám sát nhu cầu thị trường lao động và nhiệm vụ quốc gia.

- Chính sách về vận động, quản lý và sử dụng nguồn vốn vay, vốn viện trợ, tài trợ: Chính sách này tăng quyền tự chủ cho cơ sở GDNN công lập trong việc thu hút thêm nguồn lực quốc tế, góp phần đa dạng hóa nguồn tài chính, công nghệ, tri thức cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

- Quy định về hợp tác công tư: Căn cứ Chỉ thị số 21-CT/TW, dự thảo Luật bổ sung quy định về hợp tác công tư nhằm huy động nguồn lực xã hội nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu giáo dục, không bị thương mại hóa như doanh nghiệp, tạo cơ chế minh bạch, trách nhiệm rõ ràng trong hợp tác giữa cơ sở GDNN và doanh nghiệp; giúp GDNN gắn với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp mà không đánh mất tính công bằng trong giáo dục; ngăn chặn việc lợi dụng hợp tác để tư nhân hóa tài sản công hoặc lạm thu người học…

e) Quy định về tuyển sinh và đào tạo theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền, giao Bộ GDĐT quản lý chuyên môn toàn diện về chuyên môn, học thuật, tăng quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình của cơ sở GDNN trong việc tuyển sinh, đăng ký hoạt động GDNN và trách nhiệm giám sát của cơ quan quản lý nhà nước.

g) Quy định về công nhận kết quả học tập, năng lực nghề nghiệp đã tích lũy nhằm tạo điều kiện học tập liên thông, học tập suốt đời theo hướng công nhận kết quả học tập và năng lực nghề nghiệp đối với các trường hợp: Kết quả học tập đã tích lũy từ một chương trình đào tạo; năng lực nghề nghiệp đã tích lũy thông qua chứng chỉ kỹ năng nghề hoặc các hình thức công nhận khác.

h) Định vị người dạy và người học, quy định quyền hạn, nghĩa vụ và chính sách đối với họ đảm bảo phù hợp với đặc thù của GDNN.

i) Quy định về bảo đảm và kiểm định chất lượng GDNN.

k) Quy định về doanh nghiệp tham gia GDNN theo hướng tăng cường quyền và chính sách thúc đẩy doanh nghiệp gắn kết với GDNN.

l) Quy định hợp tác và đầu tư trong GDNN.

**3.2. Những nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP[[1]](#footnote-1)**

a) Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

Dự thảo Luật sửa đổi, hoàn thiện các quy định của Luật GDNN năm 2014 về: Chương trình, trình độ và tổ chức hoạt động GDNN; cơ cấu tổ chức của cơ sở GDNN; quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở GDNN; giảng viên, giáo viên, người dạy nghề; chính sách tài chính của nhà nước cho GDNN; tài chính, tài sản của cơ sở GDNN; kiểm định GDNN.

Việc sửa đổi, hoàn thiện này nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới phương thức quản lý nhà nước về GDNN, giải quyết vướng mắc về hội đồng trường nhằm nâng cao năng lực quản trị và tự chủ của cơ sở GDNN; nâng cao chất lượng đào tạo GDNN thông qua việc đảm bảo thực chất các điều kiện đào tạo (chương trình, giảng viên, giáo viên, tài chính) và xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ và kiểm định, đánh giá ngoài.

b) Nội dung bổ sung

Dự thảo Luật bổ sung các quy định so với Luật GDNN năm 2014 về: Chương trình trung học nghề tích hợp giữa kiến thức của chương trình trung học phổ thông và chuyên môn nghề cho đối tượng học sinh tốt nghiệp THCS; trường trung học nghề; mở rộng cơ sở tham gia hoạt động GDNN (cơ sở giáo dục đại học của lực lượng vũ trang nhân dân, cơ sở giáo dục đại học đào tạo ở trình độ đại học ngành, nghề thuộc lĩnh vực sức khỏe, đào tạo giáo viên, ngành, nghề chuyên môn đặc thù lĩnh vực nghệ thuật hoặc các ngành, nghề khác theo quy định của Chính phủ được tham gia đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp); công nhận kết quả học tập, năng lực nghề nghiệp đã tích lũy; vai trò của doanh nghiệp trong GDNN; giảng viên, giáo viên đồng cơ hữu; chuẩn cơ sở GDNN, chuẩn chương trình đào tạo, hệ thống bảo đảm chất lượng; hoạt động hợp tác đầu tư của cơ sở GDNN Việt Nam ở nước ngoài.

Việc bổ sung các quy định trên nhằm thể chế hóa các chủ trương, chính sách của nhà nước về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, cung cấp nguồn nhân lực cho các ngành kinh tế mũi nhọn, công nghệ kỹ thuật then chốt; thúc đẩy xã hội học tập, học tập suốt đời; thu hút, sử dụng chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại cơ sở GDNN; xây dựng hệ thống quy chuẩn về cơ sở GDNN, chương trình đào tạo nhằm thống nhất phương thức tổ chức, hoạt động đào tạo và hỗ trợ việc đánh giá, phân loại, đầu tư phát triển cơ sở GDNN.

c) Nội dung lược bỏ

Dự thảo Luật lược bỏ các quy định đã được quy định trong văn bản luật khác nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật và lược bỏ những quy định không thuộc thẩm quyền của Quốc hội, cụ thể: Mục tiêu của GDNN, phân loại cơ sở GDNN; điều kiện thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể cơ sở GDNN, quy định thành lập hội đồng trường trong cơ sở GDNN thuộc lực lượng vũ trang; thủ tục hành chính về thành lập phân hiệu, đăng ký bổ sung hoạt động GDNN; điều kiện liên kết đào tạo với nước ngoài, điều kiện thành lập văn phòng đại diện, điều kiện thành lập tổ chức kiểm định; những quy định đã được quy định trong Luật Giáo dục, Luật Nhà giáo, Luật Viên chức và pháp luật có liên quan (thẩm quyền thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể cơ sở GDNN; điều lệ cơ sở GDNN; quản lý nhà nước về GDNN; chính sách đối với nhà giáo, học sinh, sinh viên; mục tiêu hợp tác quốc tế trong GDNN; xử lý vi phạm).

Điều chỉnh trên nhằm đảm bảo tính đồng bộ giữa các Luật, phân cấp Chính phủ quy định điều kiện đầu tư nhằm tạo cơ sở cho cắt giảm điều kiện đầu tư, thủ tục hành chính thích ứng với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động GDNN trong từng thời kỳ.

d) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Trong tổng số 74 TTHC hiện hành chịu tác động của Luật GDNN năm 2014, có 100% TTHCdự kiến sẽ bị tác động bởi các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật: Dự kiến bãi bỏ 27/74 TTHC (trong đó bãi bỏ 19 TTHC và tích hợp dẫn đến bãi bỏ 08 TTHC), chiếm 36 % (các TTHC liên quan đến phân hiệu; công nhận hiệu trưởng, giám đốc cơ sở GDNN tư thục; công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp, trường cao đẳng tư thục; đăng ký bổ sung hoạt động GDNN; các TTHC liên quan đến cơ sở GDNN có vốn đầu tư nước ngoài); 47 TTHC được quy định tại văn bản dưới luật sẽ tạo cơ hội để đơn giản hóa điều kiện, hồ sơ, thời gian thực hiện.

Việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nhằm tiết kiệm chi phí xã hội, tăng năng suất và hiệu quả công việc, gắn trách nhiệm người thực hiện công việc và người đứng đầu đơn vị; thực hiện chủ trương chuyển tiền kiểm sang hậu kiểm.

đ) Nội dung phân quyền, phân cấp

Dự án Luật GDNN đã thể hiện rõ tinh thần phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước trong lĩnh vực GDNN, giao quyền chủ động, tự chủ nhiều hơn cho Bộ GDĐT, cấp tỉnh và cơ sở GDNN nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, đồng thời phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp. cụ thể:

*- Phân quyền từ Quốc hội cho Chính phủ* quy định 02 nhóm nhiệm vụ về điều kiện đầu tư, hoạt động GDNN và chính sách phát triển, cụ thể: (1) Quy định cụ thể điều kiện, thủ tục, thẩm quyền quyết định thành lập, công nhận, đặt tên, đổi tên, chia, tách, sáp nhập, giải thể phân hiệu của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam; điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp, thay đổi và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; điều kiện thành lập tổ chức kiểm định chất lượng, điều kiện cho phép tổ chức kiểm định chất lượng hoạt động kiểm định chất lượng;điều kiện cho phép cơ quan, đơn vị thực hiện hoạt động kiểm định đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng; điều kiện để tổ chức kiểm định nước ngoài được công nhận hoạt động tại Việt Nam; thẩm quyền ban hành giá tối đa và tối thiểu đối với dịch vụ kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền đối với hoạt động hợp tác, liên kết đào tạo với nước ngoài; (2) Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp; nội dung tự chủ về tài chính, tài sản và đầu tư của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; quy định cơ chế giám sát, hạn chế quyền tự chủ; chính sách đối với giảng viên, giáo viên, người dạy nghề; chính sách đối với người học; chính sách đối với doanh nghiệp; trách nhiệm đóng góp kinh phí đào tạo nghề nghiệp của doanh nghiệp; chính sách tài chính cho giáo dục nghề nghiệp; mức trần học phí; chi tiết lĩnh vực ưu tiên, hình thức, điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền đối với hoạt động đầu tư trong và ngoài nước vào giáo dục nghề nghiệp.

- *Phân cấp từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo* hướng dẫn 05 nhóm nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ về cơ cấu tổ chức của cơ sở GDNN, về hoạt động đào tạo, về giảng viên, giáo viên, người dạy nghề, về đảm bảo chất lượng GDNN, hợp tác, đầu tư trong GDNN cụ thể: (1) hướng dẫn việc xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, nhiệm kỳ, điều kiện, thủ tục bổ nhiệm hiệu trưởng; việc đánh giá, giám sát thực hiện nhiệm vụ của hiệu trưởng; quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng trường; số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên hội đồng trường; việc bổ nhiệm, bầu và công nhận danh sách thành viên hội đồng trường; cơ chế hoạt động, việc đánh giá, giám sát hoạt động của hội đồng trường; quy định chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp và hướng dẫn việc áp dụng, đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp; (2) quy định việc sử dụng chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp; quy định chuẩn chương trình đào tạo của các trình độ đào tạo theo nhóm ngành, nghề đào tạo hoặc ngành, nghề đào tạo tuỳ theo từng lĩnh vực; ban hành Danh mục thống kê ngành, nghề đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp; hướng dẫn xây dựng, lựa chọn chương trình giáo dục trung học nghề, chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; quy định quy chế tuyển sinh; quy chế đào tạo; hướng dẫn triển khai các hình thức đào tạo và phương thức tổ chức đào tạo; việc công nhận, chuyển đổi kết quả học tập, năng lực nghề nghiệp đã tích lũy; (3) quy định trình độ chuẩn được đào tạo của giảng viên, giáo viên, người dạy nghề; quy định chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyển đổi và việc sử dụng đội ngũ giảng viên, giáo viên đảm nhiệm giảng dạy chương trình giáo dục trung học nghề trong giai đoạn chưa có đủ giáo viên được đào tạo chính quy; (4) ban hành và hướng dẫn thực hiện tiêu chuẩn đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; hướng dẫn việc đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp hướng dẫn nội dung, quy trình và chu kỳ kiểm định; quy định cơ chế giám sát và đánh giá tổ chức kiểm định, thẩm định kết quả kiểm định và xử lý vi phạm; (5) quy định phương pháp định giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; quy định về hợp tác, liên kết đào tạo cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong nước.

*- Phân cấp từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn. Nội dung quản lý và phạm vi phân cấp được quy định thống nhất tại Luật Giáo dục, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó các nội dung liên quan đến quản lý nhà nước về GDNN như: Thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục, thẩm quyền thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể cơ sở GDNN, cho phép hoạt động, đình chỉ hoạt động GDNN.

- *Phân cấp từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo:* Dự kiến tại Nghị định quy định chi tiết sẽ phân cấp Sở GDĐT quản lý trực tiếp trường trung cấp, trường trung học nghề, trung tâm GDNN công lập trực thuộc; Giám đốc Sở GDĐT cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN đối với các trình độ trung cấp, trung học nghề, sơ cấp.

- *Cơ sở GDNN* được tự chủ toàn diện trong hoạt động chuyên môn và quản trị nội bộ; có trách nhiệm giải trình trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người học và xã hội về tổ chức, quản lý hoạt động và chất lượng đào tạo.

Dự án Luật GDNN đã thể hiện rõ tinh thần phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước trong lĩnh vực GDNN, giao quyền chủ động, tự chủ nhiều hơn cho Bộ GDĐT, cấp tỉnh và cơ sở GDNN nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.

e) Vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết (báo cáo tại mục VIII Tờ trình này).

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH**

**1. Ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật**

Ngay sau khi Luật GDNN (sửa đổi) được Quốc hội thông qua, Chính phủ giao các bộ, ngành liên quan chuẩn bị theo thẩm quyền để trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật, bảo đảm tiến độ thực hiện.

**2. Tuyên truyền, phổ biến Luật**

Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung của Luật GDNN (sửa đổi) tới các cơ sở GDNN, đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, người học và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**3. Bảo đảm nguồn lực thực hiện Luật**

Với các chính sách dự kiến quy định, việc triển khai thực hiện Luật không đặt ra các yêu cầu tăng thêm biên chế hoặc nhân lực mới. Các bộ, ngành và địa phương thực hiện Luật trên cơ sở sử dụng hiệu quả nguồn lực hiện có, không làm phát sinh thêm tổ chức bộ máy, biên chế và ngân sách thường xuyên.

**4. Theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành Luật**

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức theo dõi, kiểm tra việc triển khai thi hành Luật GDNN (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

**5. Nâng cao năng lực thi hành Luật tại cơ sở GDNN**

Để đảm bảo thực thi hiệu quả quy định của Luật, cần tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và chuyên viên pháp chế các cơ sở GDNN; hướng dẫn xây dựng quy chế nội bộ phù hợp với khung pháp lý mới; đồng thời phát triển hệ thống dữ liệu và công cụ số hóa phục vụ quản trị hiện đại, minh bạch và kết nối công tác theo dõi, đánh giá thi hành Luật.

**6. Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá và phản hồi chính sách**

Cần xây dựng hệ thống giám sát và phản hồi chính sách theo hướng tích hợp dữ liệu, số hóa và công khai, đồng thời định kỳ đánh giá tác động thực tiễn của các chính sách trọng điểm và khuyến khích sự tham gia của các tổ chức xã hội, hiệp hội, doanh nghiệp trong giám sát, góp ý để hoàn thiện chính sách.

**VIII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN:** Không có

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Luật GDNN (sửa đổi), Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Luật GDNN (sửa đổi); (2) Báo cáo số 1095/BC-BGDĐT ngày 31/7/2025 về Tổng kết việc thi hành Luật GDNN; (3) Báo cáo số 1094/BC-BGDĐT ngày 31/7/2025 về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật; (4) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án Luật; (5) Bản so sánh dự thảo Luật GDNN (sửa đổi) với Luật GDNN hiện hành; (6) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội; (7) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; (8) Báo cáo thẩm định số 316/BCTĐ-BTP ngày 18/7/2025; (9) Tờ trình số 1096/TTr-BGDĐT ngày 31/7/2025 về việc chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ Dự án Luật GDNN (sửa đổi), trong đó có báo cáo việc tiếp thu, giải trình ý kiến thành viên Chính phủ).*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để báo cáo);  - Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;  - Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;  - Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;  - Văn phòng Quốc hội;  - Các Bộ: GDĐT, TP;  - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,  các Vụ: PL, KTTH, TCCV, QHĐP; Cục KSTTHC;  - Lưu: VT, KGVX, PSon. | **TM. CHÍNH PHỦ**  **TUQ. THỦ TƯỚNG**  **BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  *(Đã ký)*  **Nguyễn Kim Sơn** |

1. Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật [↑](#footnote-ref-1)